



MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT	4
1.1. Vài nét về mô hình và mô hình nghệ thuật	4
1.1.1. Khái niệm mô hình.....	4
1.1.2. Khái niệm mô hình nghệ thuật.....	4

1.1.3. Mô hình nghệ thuật của tác phẩm văn học.....	5
1.2. Vai trò của mô hình nghệ thuật.....	7
1.2.1. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với tác phẩm thơ và văn xuôi.....	7
1.2.2. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với hoạt động sáng tác văn học.....	7
1.2.3. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với hoạt động tiếp nhận tác phẩm.....	8
1.3. Tiểu kết.....	9
Chương 2: MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT TÁC PHẨM <i>THƯƠNG VỢ</i> CỦA TÚ XƯƠNG.....	10
2.1. Thực trạng tiếp nhận văn chương nói chung và tác phẩm <i>Thương vợ</i> nói riêng.....	10
2.2. Mô hình nghệ thuật tác phẩm <i>Thương vợ</i> của Tú Xương.....	12
2.2.1. Khảo sát phân loại mô hình nghệ thuật của tác phẩm <i>Thương vợ</i> của Tú Xương.....	12
2.2.2. Mô hình khái quát tác phẩm <i>Thương vợ</i>	13
2.2.3. Mô hình chi tiết tác phẩm <i>Thương vợ</i>	14
2.2.4. Giới thuyết mô hình tác phẩm <i>Thương vợ</i>	15
2.3. Hiệu quả sử dụng mô hình nghệ thuật tác phẩm <i>Thương vợ</i> trong giảng dạy.....	18
2.4. Tiểu kết.....	20
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	21
1. Kết luận.....	21
2. Kiến nghị.....	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22

1. Lý do chọn đề tài

Văn học là nghệ thuật ngôn từ nên việc tìm hiểu tác phẩm chính là thao tác giải mã các tín hiệu ngôn từ, chinh phục các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm. Nghiên cứu nghệ thuật là định giá năng lực sáng tạo của tác giả trong tác phẩm. Phân tích tác phẩm văn chương thực chất là việc chỉ ra tính chất độc đáo của nó, những thuộc tính không lặp lại ở bất kì tác phẩm nào. Tầm vóc của hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm là tầm cao tư tưởng của tác giả được thể hiện qua các dấu hiệu của ngôn ngữ đó là cấu trúc hệ thống hình tượng, mỗi hình tượng bộ phận ứng với một tiểu chủ đề, hình tượng tổng thể ứng với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. Tầm vóc của hình tượng trong văn thơ là chiều sâu cảm xúc được thể hiện qua mô hình nghệ thuật, từ mô hình cấu trúc tổng thể đến các từ ngữ, hình ảnh có tính tu từ và tính hình tượng. Mỗi môn học, mỗi một lĩnh vực đều có một sứ mệnh riêng của nó. Đi sâu vào đời sống tình cảm của con người, làm thế giới tình cảm phong phú hơn, sâu sắc hơn, nhạy cảm hơn cho tâm hồn, cho trái tim của mỗi con người rung lên là sứ mệnh của văn chương.

Qua quá trình khảo sát, tôi nhận thấy các tác phẩm văn học (văn xuôi và thơ) đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và giảng dạy chương trình Ngữ văn lớp 11 Phổ thông. Tác phẩm văn học nào khi đến với công chúng cũng phụ thuộc vào năng lực tư duy, trình độ tiếp nhận. Hiện nay, tình trạng một số học sinh khi học môn Ngữ văn còn gặp khó khăn trong việc tiếp nhận văn bản, giải mã các tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm, đặc biệt là với các tác phẩm văn học trung đại. Từ đó, hình thành nên ở học sinh tâm lí chán nản, kém hào hứng với bộ môn Ngữ văn. Trong khi môn Ngữ văn là một trong những môn có vị trí quan trọng ở cấp phổ thông. Cùng với các môn học khác, môn Ngữ văn góp phần không nhỏ vào việc rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ, diễn đạt, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm và nhân cách học sinh. Thế nhưng, thực trạng dạy môn Ngữ văn hiện nay như thế nào? Tại sao học sinh lại quay lưng lại với môn Ngữ văn?

Chính vì thế, việc đổi mới phương pháp dạy học là một đòi hỏi cấp bách, một xu thế tất yếu đối với bộ môn Ngữ văn. Tôi hi vọng việc giải mã tác phẩm bằng mô hình nghệ thuật sẽ là một trong những phương pháp giúp học sinh có hứng thú, chủ động, tích cực hơn với bộ môn Ngữ văn. Với hướng tiếp cận tác phẩm từ góc nhìn ngôn ngữ, từ góc nhìn mô hình nghệ

thuật tôi mong rằng sẽ có thêm một chiếc chìa khóa để khám phá thế giới đầy bí ẩn của tác phẩm văn học. Việc mô hình hóa cấu trúc ngữ nghĩa của tác phẩm văn học tạo tiền đề cho việc xây dựng cơ sở khoa học trong việc đánh giá tác phẩm cũng như định giá năng lực sáng tạo của tác giả trong tác phẩm.

Đối với việc tiếp nhận tác phẩm văn xuôi và thơ lớp 11 trong nhà trường nói chung và tác phẩm “Thương vợ” của Tú Xương nói riêng, nếu đi từ phương diện cấu trúc ngữ nghĩa hay mô hình nghệ thuật, tôi hi vọng sẽ mang lại một góc nhìn mới đầy sức thu hút và hấp dẫn đối với học sinh. Qua mô hình, học sinh sẽ nhìn nhận, thẩm thấu tác phẩm một cách dễ dàng hơn, có hệ thống hơn. Nhờ đó, học sinh có cái nhìn khách quan về tác phẩm với những cảm nhận chủ quan của riêng mình. Mô hình sẽ cung cấp cho người tiếp nhận những nét chính về nội dung và nghệ thuật, từ đó họ có thể có cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm.

Đối với giáo viên giảng dạy ở trường Phổ thông, việc mô hình hóa cấu trúc ngữ nghĩa của tác phẩm sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc truyền thụ tri thức. Tác phẩm văn học được tiếp cận theo hướng giải mã các tín hiệu ngôn ngữ nghệ thuật sẽ giúp bài giảng có hệ thống, logic và khoa học và khơi được mạch cảm xúc trong văn bản ngôn từ. Đồng thời, học sinh có điều kiện phát hiện, khám phá, tìm tòi những tín hiệu thẩm mỹ và ý nghĩa biểu đạt của nó. Điều này sẽ phát huy được tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh và vai trò chủ đạo, định hướng của giáo viên.

Đối với các nhà nghiên cứu, các nhà phê bình, tôi mong rằng mô hình nghệ thuật của tác phẩm văn học sẽ mở ra một hướng tiếp cận mới đối với các tác phẩm văn chương. Đồng thời, nó cũng có thể sẽ là gợi ý cho những ý tưởng mới, những khám phá mới của các nhà nghiên cứu đối với tác phẩm văn học - đặc biệt là với tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương.

Vì những lí do trên mà tôi chọn đề tài **MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT TÁC PHẨM “THƯƠNG VỢ” CỦA TÚ XƯƠNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN LỚP 11 (BAN CƠ BẢN)**.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

Bước đầu vạch ra mô hình nghệ thuật tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương trong chương trình Ngữ Văn 11 (ban cơ bản).

Giải mã các tín hiệu ngôn ngữ trong tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương một cách có hệ thống, khoa học.

Mục tiêu của nghiên cứu là mô hình hóa tác phẩm nghệ thuật *Thương vợ* của Tú Xương, giúp học sinh hệ thống hóa được kiến thức, dễ dàng nắm bắt được vẻ đẹp thẩm mỹ hình tượng các nhân vật, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình giải mã tín hiệu ngôn ngữ. Từ đó, tôi hi vọng sẽ làm nảy sinh trong tâm hồn các em học sinh phản ứng thẩm mỹ và niềm đam mê, yêu thích đối với văn chương.

3. Đối tượng nghiên cứu

Tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương trong chương trình Ngữ văn 11 (ban cơ bản).

4. Giới hạn nghiên cứu

- Tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương trong chương trình Ngữ văn 11 (ban cơ bản).
- Học sinh khối 11, trường THPT Hai Bà Trưng.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận văn bản: tìm hiểu và nắm vững tác phẩm để có được hướng đi chính xác, khoa học khi phân tích tác phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm ra mô hình của nó.

- Phương pháp thống kê – phân loại: xử lí thông tin thu được một cách khoa học, chính xác, mang tính phân loại nhằm tìm ra những mô hình tối ưu cho từng loại văn bản.

- Phương pháp phân tích, so sánh: đối chiếu, so sánh các đối tượng để tìm ra những nét khu biệt của đối tượng nghiên cứu, từ đó dễ dàng tìm được mô hình thích hợp.

- Phương pháp tổng hợp, hệ thống khái quát: có cái nhìn toàn diện về đối tượng nghiên cứu, khái quát hóa những vấn đề có liên quan để đưa ra những kết luận về đối tượng nghiên cứu. Từ đó, tìm ra được những quy luật mang tính phổ quát của mô hình của các tác phẩm văn học.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT

1.1. Vài nét về mô hình và mô hình nghệ thuật

1.1.1. Khái niệm mô hình

Theo Từ điển của trang Web <http://dactrung.net/tudien/default.aspx> thì mô hình được hiểu theo hai cách:

* Mô hình là vật cùng hình dạng nhưng được làm thu nhỏ lại nhiều lần, mô phỏng cấu tạo và hoạt động của một vật khác để tiện trình bày, nghiên cứu.

Ví dụ: mô hình trường học, mô hình khu công nghiệp, mô hình xe ô tô...

* Mô hình là hình thức diễn đạt hết sức gọn các đặc trưng chủ yếu của một đối tượng theo một phương tiện nào đó để nghiên cứu đối tượng ấy.

Ví dụ: mô hình câu đơn, câu ghép...

Theo khảo sát, mô hình là một khái niệm được sử dụng phổ biến và rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Khi nói tới mô hình, chúng ta thường nghĩ ngay đến một “bộ khung” của một quá trình, sự việc, sự vật nào đó. Bất kì một sự vật, hiện tượng nào đều tồn tại trong một kết cấu nhất định, có thể là kết cấu vĩ mô hoặc kết cấu vi mô. Vì thế mà trong đời sống mô hình rất đa dạng và phong phú.

Trong cuộc sống người ta sử dụng khái niệm mô hình trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong lĩnh vực nông nghiệp có mô hình V - A - C, mô hình rau sạch, mô hình V - R - A - C v.v... Trong lĩnh vực công nghiệp có mô hình các khu chế xuất, mô hình ô tô, mô hình xưởng chế biến v.v... Trong lĩnh vực giáo dục có mô hình trường phổ thông, mô hình các cấp học, bậc học. Trong các hoạt động xã hội, người ta cũng thường nói tới mô hình nhà cộng đồng, mô hình ba lớp v.v...

1.1.2. Khái niệm mô hình nghệ thuật

Mỗi một ngành nghệ thuật đều có một phương tiện biểu đạt riêng. Các ngành như âm nhạc thì chuyển hóa các tín hiệu thính giác vào hệ thống âm thanh, giai điệu. Hội họa, điêu khắc thì chuyển hóa tín hiệu thính giác qua các chất liệu, hình ảnh, màu sắc, đường nét... Đối với văn học thì các nhà văn, nhà thơ chuyển hóa các tín hiệu thính giác qua hệ thống ngôn từ.

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ, vì thế để xây dựng được thế giới hình tượng văn học nhà văn, nhà thơ cần chọn lọc các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan. Từ đó, nhà văn, nhà thơ sẽ xây dựng lại, cấu tạo lại các tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên biểu đạt các sự vật, hiện tượng khách quan thành tín hiệu thẩm mỹ, biểu hiện ý nghĩa thẩm mỹ.

Từ những tín hiệu này các tác gia sẽ xây dựng, kiến tạo thành một tác phẩm văn học dựa trên một “bộ khung”, một kết cấu mang ý đồ nghệ thuật. Bộ khung, kết cấu đó chính là mô hình nghệ thuật. Nó sẽ nắm quyền định dạng tòa kiến trúc của tác phẩm nghệ thuật. Mô hình nghệ thuật được tạo dựng bởi những tín hiệu thẩm mỹ nên về cơ bản mô hình nghệ thuật cũng là một tín hiệu thẩm mỹ đặc biệt, nó bao hàm cả một hệ thống tín hiệu thẩm mỹ nhỏ hơn. Cho nên, mô hình nghệ thuật của tác phẩm văn học sẽ là hướng tiếp cận, khám phá văn bản một cách có hệ thống và khoa học.

Mô hình nghệ thuật là hình thái tổ chức tác phẩm nghệ thuật, đem lại cho tác phẩm một hình hài nhất định. Tuy nhiên, hiện nay mô hình nghệ thuật vẫn là một vấn đề mới mẻ và phức tạp, vì thế các nhà nghiên cứu vẫn chưa tìm ra một định nghĩa về mô hình nghệ thuật hoàn toàn thuyết phục và nhất quán.

1.1.3. Mô hình nghệ thuật của tác phẩm văn học

Từ điểm nhìn nội tại, xem xét tác phẩm như một thể thống nhất của các yếu tố cấu thành, ta có thể nghiên cứu tác phẩm từ nhiều góc độ, mỗi góc độ sẽ cho ta một giá trị nghệ thuật, khi kết hợp các góc nhìn ta sẽ có một đáp số tương đối chính xác về đối tượng. Như vậy, khi nghiên cứu tác phẩm nghệ thuật ngôn từ có nhiều cách thức và góc nhìn khác nhau. Trong đó, xem xét tác phẩm từ góc độ mô hình nghệ thuật cũng là một hướng nghiên cứu mới, cung cấp được cái nhìn toàn diện tránh được sự phân mảnh trong việc tiếp cận tác phẩm văn học.

Tác phẩm văn học là sự thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức của tác phẩm. Nội dung và hình thức hòa quyện, gắn kết với nhau tạo nên một công trình nghệ thuật ngôn từ. Công trình ấy có một bản thiết kế riêng, sơ đồ riêng đó chính là mô hình nghệ thuật. Khi những sự cảm nhận chủ quan, chung chung từ bên ngoài đối với tác phẩm nghệ thuật

thiếu chính xác hoặc thiếu sức thuyết phục người ta phải tìm đến một cơ sở đáng tin cậy hơn đó là mô hình nghệ thuật.

Mô hình nghệ thuật là hệ thống các tín hiệu thẩm mỹ mang tính khoa học, logic và thống nhất, các tín hiệu này luôn bổ trợ, tương hỗ cho nhau. Ngoài cái khung là mô hình nghệ thuật, tác phẩm còn có những yếu tố đơn vị khác như biện pháp nghệ thuật, sự kiện, chi tiết... Bởi mô hình nghệ thuật là hình thái tổ chức tổng thể tạo ra cho tác phẩm một hình hài nhất định nên các yếu tố ấy sẽ lấp đầy “bộ khung” - mô hình nghệ thuật, giúp tác phẩm trở thành một chỉnh thể hoàn chỉnh, thống nhất và sinh động.

Tuy vậy, mô hình nghệ thuật không phải chỉ là sự sắp xếp giản đơn, rập khuôn của những mô hình có sẵn mà nó tinh vi và biến hóa khôn lường, mỗi tác phẩm có một mô hình khu biệt không lặp lại. Bởi sự lặp lại trong nghệ thuật là “cái chết” của nghệ thuật.

Trong các tác phẩm văn học xuất hiện nhiều kiểu, dạng mô hình nghệ thuật khác nhau. Sau đây là một số kiểu mô hình thường gặp trong các tác phẩm văn học.

- Mô hình nghệ thuật đối lập

“Là kiểu tổ chức bài thơ dựa trên trục vận động của các phạm trù đối lập như: mơ - thực, lý tưởng - thực tế, hữu hạn - vô hạn, nhất thời - bất biến, quá khứ - hiện tại, vui - buồn, háo hức - hụt hẫng, ít - nhiều, dữ dội - dịu êm, hủy diệt - trường tồn, cái chết - sự sống, kiếm tìm - đuổi bắt, bên ngoài - bên trong v.v...”

Trong một thi phẩm có thể chứa một hoặc nhiều hơn một cặp đối lập. Tuy nhiên, dù nhiều hay ít, dù là sự đan xen bộn bề của các cặp đối lập hay chỉ có một cặp đơn nhất thì cái mạch chính của bài thơ vẫn dựa trên cặp đối lập làm yếu tố trung tâm” [2; tr.14].

- Mô hình nghệ thuật song hành

“Là kiểu tổ chức bài thơ dựa trên sự song hành của các hệ thống hình tượng thơ. Có khi đó là sự song hành của những hệ thống hình tượng cụ thể trong bài thơ, có khi là sự song hành của hình tượng trong bài thơ với một hệ thống hình tượng ngầm ẩn” [2; tr.33].

- Mô hình nghệ thuật kể chuyện

“Là kiểu tổ chức bài thơ theo lối tự sự. Cái khung của thi phẩm là một câu chuyện. Bài thơ được triển khai theo tiến trình phát triển của các tình tiết, các sự kiện trong đó. Kiểu cấu tứ

này thường rất dễ nhận ra. Nhìn vào thi phẩm, người ta có thể thấy ngay mô hình tổ chức của nó” [2; tr.46]. Bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là một trong những bài thơ có cấu trúc mô hình kể chuyện.

- Mô hình nghệ thuật dòng cảm xúc

“Là cách tổ chức bài thơ dựa theo sự vận động của các cung bậc cảm xúc của chủ thể trữ tình, của những “nỗi niềm tinh vân” (chữ dùng của Phan Huy Dũng) đang sống dậy trong lòng tác giả” [2; tr.40].

1.2. Vai trò của mô hình nghệ thuật

1.2.1. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với tác phẩm thơ và văn xuôi

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật nghệ ngôn từ, là kết quả của quá trình sáng tạo nghệ thuật và sự suy tư tìm kiếm, sắp xếp, nhào nặn hiện thực khách quan của chủ thể sáng tạo. Nó là một thể thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức. Chính mối quan hệ biện chứng tác động và quy định lẫn nhau này làm nên sự thống nhất toàn diện trong một tác phẩm, đồng thời tạo ra giá trị nghệ thuật độc đáo cho tác phẩm. Như vậy, đối với tác phẩm thơ và văn xuôi thì mô hình nghệ thuật là hệ thống trung tâm trong toàn bộ hệ thống các yếu tố cấu thành nên tác phẩm, là *bản thiết kế* độc đáo, đầy sáng tạo của nhà văn, nhà thơ. Mô hình nghệ thuật của tác phẩm thơ và văn xuôi chính là mạch vận động chi phối, điều tiết sự vận động của các đơn vị khác như vần điệu, nhịp điệu, các sự kiện, chi tiết. Nó định hướng cho sự phát triển một cách có hệ thống, logic, khoa học của tác phẩm thơ và văn xuôi.

Mô hình nghệ thuật chính là “khung cứng” còn các yếu tố khác chỉ là “phần mềm”, là những đơn vị đắp đầy cái khung ấy, để mỗi tác phẩm là một chỉnh thể thống nhất sinh động và có thể bước vào thế giới nghệ thuật như một thực thể có linh hồn. Mô hình nghệ thuật là cấu trúc ngữ nghĩa độc đáo làm sống dậy một cách sinh động, sâu sắc và toàn diện những ý nghĩa, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm nghệ thuật.

Tựu trung, đối với tác phẩm thơ và văn xuôi, mô hình nghệ thuật tựa như *bản thiết kế* mà nhà văn, nhà thơ chính là kiến trúc sư thiết lập, hình thành *ngôi nhà* của thế giới nghệ thuật ngôn từ.

1.2.2. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với hoạt động sáng tác văn học

Tác phẩm văn học là chứng minh thư của nhà văn, nhà thơ, nó ghi nhận và lưu giữ dấu ấn riêng, phong cách riêng của người nghệ sĩ. Tác phẩm là đứa con tinh thần, là sản phẩm của một quá trình lao động nghệ thuật nhọc nhằn và đầy sáng tạo của nhà văn. Quá trình lao động ấy là sự quan sát, chiêm nghiệm thế giới khách quan của chủ thể sáng tạo, sau đó, họ chọn lọc và nhào nặn các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan thành tín hiệu thẩm mỹ. Các tín hiệu thẩm mỹ này biểu hiện ý nghĩa thẩm mỹ và mang chức năng thẩm mỹ. Muốn làm được điều đó nhà văn phải xây dựng, kiến tạo các tín hiệu thẩm mỹ này thành cấu trúc thẩm mỹ - một mô hình nghệ thuật.

Mô hình nghệ thuật phản ánh sự dụng công trong tư duy nghệ thuật của người nghệ sĩ. Ý tưởng đôi khi rất nhiều người có, tuy nhiên, chỉ có chủ thể sáng tạo - người tìm ra mô hình nghệ thuật của ý tưởng mới có thể *vật chất hóa* ý tưởng ấy bằng ngôn từ. Đó là biệt tài, nét đặc sắc mà chỉ có người nghệ sĩ mới có khả năng chuyển hóa những ý tưởng, cảm xúc, suy nghĩ để trở thành công trình nghệ thuật ngôn từ thông qua mô hình nghệ thuật. Vì vậy, nếu cần một phương tiện để đánh giá năng lực sáng tạo của người nghệ sĩ và mức độ thành công của tác phẩm thì cấu trúc ngữ nghĩa, mô hình nghệ thuật là thước đo hữu hiệu, nó có thể định giá được năng lực sáng tạo của tác giả và giá trị của tác phẩm. Có thể nói, “Tìm được mô hình nghệ thuật tức là nhà thơ đã sinh hạ được tác phẩm sau cơn vật vã dài” [6; tr.148].

1.2.3. Vai trò của mô hình nghệ thuật đối với hoạt động tiếp nhận tác phẩm

Mỗi tác phẩm văn học luôn chứa đựng trong mình một hoặc nhiều đề án tiếp nhận. Bởi vì “tác phẩm văn học được sáng tạo ra không những làm hài lòng nhu cầu tiếp nhận mà còn tạo khả năng hình thành phương thức tiếp cận chúng. Phương thức tiếp cận văn học phải dựa vào kiểu cấu tạo bên trong của văn học nghệ thuật với những đặc điểm riêng vốn có” [2; tr.12]. Mỗi tác phẩm được cấu tạo theo một cái khung nhất định - cái khung đó chính là mô hình nghệ thuật. Bởi vậy mô hình nghệ thuật là một đề án tiếp nhận đối với tác phẩm văn học. Nó là một sự gợi ý, chỉ dẫn một cách cụ thể sinh động bằng hình thức nghệ thuật.

Nắm được mô hình nghệ thuật nghĩa là ta đã nắm trong tay chiếc chìa khoá để mở cánh cửa thơ ca. Bởi khi đã xác định được mô hình nghệ thuật, xác định được đường hướng phát

triển của tác phẩm ta sẽ có phương pháp tiếp cận phân tích, lý giải mọi yếu tố trong tác phẩm một cách logic, hệ thống và khoa học, từ đó, có cái nhìn toàn diện về tác phẩm. Nó tránh được sự “phân mảnh”, lý giải cắt nghĩa một cách manh mún, vụn vặt trong phân tích tác phẩm văn học. Năm bắt được mô hình nghệ thuật của tác phẩm văn học là chúng ta đã nắm được “sơ đồ” của *mê lộ ngôn từ*, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm văn học.

Khi nghiên cứu tác phẩm văn học, chúng ta thường chú ý tới hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối quan hệ giữa tác phẩm với hiện tượng văn học trước và sau nó v.v... Nhưng tác phẩm văn học vẫn là yếu tố quan trọng nhất, mang tính quyết định nhất. Chính vì thế, chúng ta cần lấy tác phẩm để cắt nghĩa tác phẩm, phải đi từ các yếu tố trong bài thơ, mà yếu tố quan trọng đó chính là mô hình nghệ thuật. Các yếu tố khác như vần điệu, âm điệu hay bút pháp tu từ v.v... là những thành tố lấp đầy và làm hoàn thiện mô hình nghệ thuật.

1.3. Tiểu kết

Mô hình nghệ thuật là một phương diện dụng công trong tư duy nghệ thuật của nhà nghệ sĩ. Mô hình nghệ thuật đóng vai trò quan trọng trong hoạt động tiếp nhận và cảm thụ tác phẩm. Nó cung cấp cho người đọc một thế nhìn, một lối đi để khám phá những bí ẩn của “*mê lộ ngôn từ*”. Nó là một trong những phương tiện nhằm định giá năng lực sáng tạo nghệ thuật của chủ thể sáng tạo và cũng là một trong những thước đo định lượng giá trị của mỗi tác phẩm văn học. Tựu trung, mô hình nghệ thuật là hệ thống trung tâm của tác phẩm thơ và văn xuôi.

Trong chương trình Ngữ văn lớp 11, việc tìm hiểu, khám phá các tác phẩm văn học đóng vai trò rất quan trọng vì nó chiếm tỉ trọng lớn trong tổng số ba phân môn Văn học - Tiếng Việt - Làm văn. Ngoài ra, trong chương trình Ngữ văn 11 (ban cơ bản) có nhiều thành tựu nổi bật của nền văn xuôi cũng như thơ ca Việt Nam. Việc tìm hiểu mô hình nghệ thuật, cấu trúc ngữ nghĩa của các tác phẩm văn học sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh khám phá văn bản ngôn từ một cách sâu sắc và có hệ thống.

Chương 2

MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT TÁC PHẨM *THƯƠNG VỤ* CỦA TÚ XƯƠNG

2.1. Thực trạng tiếp nhận văn chương nói chung và tác phẩm *Thương vụ* nói riêng

Mỗi môn học, mỗi một lĩnh vực đều có một sứ mệnh riêng của nó. Đi sâu vào đời sống tình cảm của con người, làm thế giới tình cảm phong phú hơn, sâu sắc hơn, nhạy cảm hơn cho tâm hồn, cho trái tim của mỗi con người rung lên cảm xúc nhân đạo là sứ mệnh của văn chương. Nhất là trong trường học, nó giúp học sinh nhận thức được cái hay, cái đẹp, cái chuẩn mực trong cuộc sống. Cái đẹp trong văn chương có thể giúp chúng ta thanh lọc tâm hồn, hướng ta đến cái chân – thiện – mỹ. Văn chương dẫn chúng ta vào một thế giới mà sự cho đi không đòi hỏi sự đáp lại. Văn chương chân chính dù ở bất kì thời đại nào cũng đều đề cao tình yêu thương, lòng nhân ái, sự công bằng, giúp ta nhận thấy thế giới này sẽ đẹp hơn nhiều từ những điều giản dị nhất. Không những thế văn chương còn làm cho thế giới ngôn ngữ của mỗi con người thêm phong phú hơn, trong sáng hơn và văn minh hơn. Nó trau dồi lời ăn,

tiếng nói của mỗi con người trong cuộc sống hằng ngày, từ đó bồi dưỡng, rèn luyện nhân cách của mỗi cá nhân.

Như vậy văn chương là không thể thiếu trong cuộc sống xưa và nay. Thế mà trong xã hội ngày nay, việc học Văn lại bị xem nhẹ. Nếu như một ngày nào đó, môn Văn dần dần bị lãng quên thì xã hội của chúng ta sẽ buông tẻ, nhàm chán và khô khan, hạn hẹp đến thế nào? Một thực tế cho thấy là nhiều năm trở lại đây, đa số học sinh không còn hứng thú trong việc học Văn nữa. Điều này khiến cho chúng ta, nhất là giáo viên dạy môn Ngữ văn cảm thấy buồn và bối rối. Thực tế đáng buồn đó do nhiều nguyên nhân. Có thể là do yếu tố khách quan như cơ chế thị trường, do nhận thức lệch lạc của gia đình, của không ít người về vị trí của các môn Khoa học xã hội nói chung, của môn Văn nói riêng trong xã hội. Kiến thức môn Ngữ văn của học sinh còn nghèo nàn, thiếu hệ thống và tính chính xác, năng lực, kĩ năng trình bày còn yếu. Đa số học sinh còn lười đọc sách, lười tìm hiểu và ngại học thuộc lòng.

Những năm gần đây, một trong những vấn đề khiến nhiều giáo viên văn trăn trở, bối rối, thậm chí bất lực buông xuôi, đó là tình trạng học trò chán học Văn, chán văn chương, rút gọn việc học Văn bằng các hoạt động nhàm chán, miễn cưỡng với: nghe, ghi chép, trả bài - trong đó hoạt động nghe không còn hứng thú, hoạt động ghi không có sáng tạo và việc trả bài phần nào đúng với ý nghĩa là trả lại bài thầy cô đã giảng cho thầy cô, trả càng đủ, càng chính xác càng tốt. Học trò thường có cảm giác hoặc buồn ngủ vì những điều phải nghe như không liên quan gì đến các em, hoặc bị tra tấn vì những kiến thức nhồi nhét một cách khiên cưỡng, áp đặt. Hiện tượng ngày càng nhiều *những bài văn lạ* cũng cho thấy vấn đề đang đặt ra khá nhức nhối trong việc cảm thụ và diễn đạt văn chương của các em. Rất nhiều học sinh cho rằng học Văn khó, các em không lười học, cũng không phải không thông minh nhưng vẫn bối rối với phương pháp học Văn, không biết học như thế nào cho hiệu quả. Một trong những nguyên nhân là do đặc trưng của bộ môn. Nếu ở một số môn học khác như Lịch sử, Địa lý, bản thân mỗi bài học trong sách giáo khoa đã là một nguồn tri thức trực tiếp cho các em tiếp nhận thì phần quan trọng nhất của sách giáo khoa Văn lại là các tác phẩm văn học - kiến thức học sinh cần tiếp nhận không dừng lại ở tác phẩm mà là ở những giá trị tư tưởng, thẩm mỹ mà nhà văn

muốn gửi gắm, biểu hiện trong tác phẩm. Con đường đi tới những giá trị và thông điệp đòi hỏi sự dẫn dắt chủ đạo của thầy, sự tiếp nhận tích cực của trò.

Đặc biệt, đối với chương trình Ngữ văn 11 (ban cơ bản), có rất nhiều tác phẩm văn học trung đại với những thể loại chịu những luật định nghiêm ngặt về niêm, luật, đối..có một hệ thống thi pháp riêng, sử dụng nhiều điển cố, điển tích ước lệ, sử dụng chữ Hán, chữ Nôm làm cho học sinh khó tiếp thu hơn so với các tác phẩm văn học hiện đại. Hơn nữa, đặc trưng “thi dĩ ngôn chí” của văn học trung đại yêu cầu người tiếp nhận phải có sự am hiểu nhiều lĩnh vực liên quan mới có thể hiểu hết giá trị sâu sắc của tác phẩm, nếu không chỉ là sự phân tích hời hợt bề ngoài hoặc sự liên hệ có tính chất gượng ép. Quan niệm về bản thân, về xã hội và về các giá trị nhân sinh đối với học sinh bây giờ có nhiều điểm khác biệt so với thời trung đại, khoảng cách về thời gian, độ lùi của quá khứ cũng là một khó khăn với học sinh khi tiếp cận các tác phẩm văn học trung đại trong chương trình Ngữ văn 11.

Tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương là một trong những tác phẩm văn học trung đại . Để tiếp cận và giải mã được các tín hiệu nghệ thuật trong tác phẩm không phải là điều dễ dàng đối với các em học sinh. Đặc biệt, phần đa các tín hiệu ngôn ngữ có “bề nổi” là hình ảnh của nhân vật bà Tú. Các em còn khó khăn trong việc giải mã hình ảnh ông Tú. Đa số học sinh chỉ nhìn thấy bóng dáng cái tôi tự trào của Tú Xương ở hai câu kết, nhưng thực ra, ẩn sau hình ảnh người vợ hiền đảm đang, vị tha của bà Tú là ánh mắt luôn dõi theo, là sự tri ân, đồng cảm của ông Tú dành cho bà. Bởi lẽ phải là người chồng yêu thương, tri ân vợ mới cảm nhận được sự vất vả, cơ cực của vợ mình. Để học sinh dễ dàng nhận diện được hình ảnh của hai nhân vật trung tâm là ông Tú và bà Tú, mô hình nghệ thuật song hành sẽ là một giải pháp tối ưu.

2.2. Mô hình nghệ thuật tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương

2.2.1. Khảo sát phân loại mô hình nghệ thuật của tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương

Theo khảo sát, tôi nhận thấy trong chương trình Ngữ văn 11 (ban cơ bản) có nhiều tác phẩm văn học được kiến tạo dựa trên mô hình nghệ thuật nghệ thuật đối lập như *Lẽ ghét thương* (Nguyễn Đình Chiểu), *Những người khốn khổ* (V. Huy – go), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)... một số tác phẩm có thể được kiến tạo dựa trên mô hình nghệ thuật kể chuyện như *Hạnh phúc của một tang gia* (Vũ Trọng Phụng), *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Hầu*

trời (Tản Đà), *Chí Phèo* (Nam Cao)... Mô hình nghệ thuật theo dòng cảm xúc là kiểu mô hình xuất hiện nhiều trong các tác phẩm văn học, đặc biệt là các thi phẩm. Bởi thơ là tiếng nói ân tình của tâm trạng, của lòng người nên mạch thơ thường được phát triển theo dòng cảm xúc của con người. Tứ thơ chính vì thế mà sẽ men theo dòng cảm xúc để mà bộc lộ, tuôn trào. Trong chương trình Ngữ văn 11 có nhiều tác phẩm được cấu tứ theo mô hình cảm xúc như *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử), *Từ ấy* (Tố Hữu), *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Tự tình* (Hồ Xuân Hương)...Ngoài ra, có một số tác phẩm được cấu trúc theo mô hình nghệ thuật song hành như bài *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến. Đó là sự song hành giữa tình thu và cảnh thu. Một bức tranh mùa thu đẹp với những âm thanh, chuyển động nhẹ nhàng, tĩnh lặng. Tuy cảnh sắc mùa thu đẹp nhưng buồn vì ẩn sau bức tranh thu là tình thu, là nỗi lòng của tác giả luôn đau đáu lo lắng cho vận mệnh nước nhà.

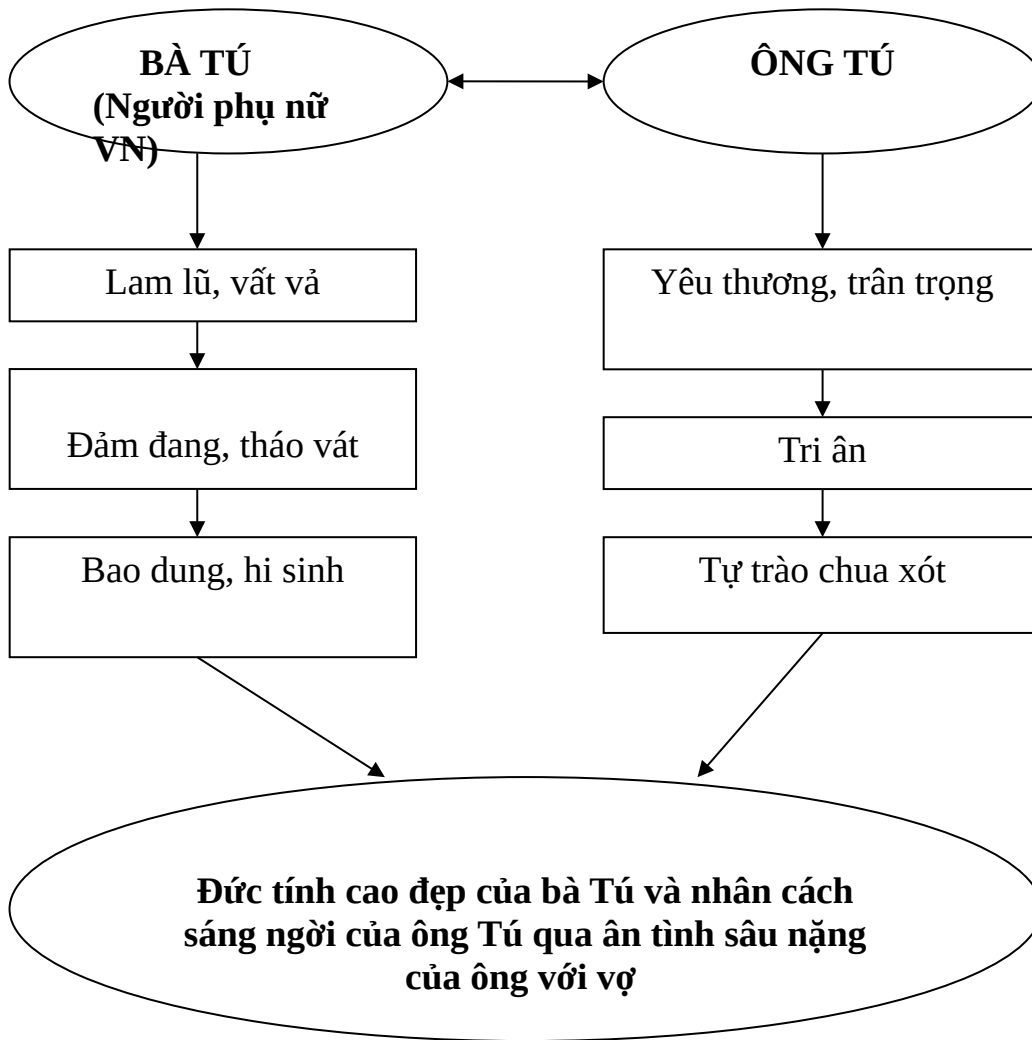
Thương vợ của Trần Tế Xương cũng là một thi phẩm được kiến tạo theo mô hình song hành giữa hai hình tượng ông Tú và bà Tú. Với tình cảm yêu thương, trân trọng vợ, Tế Xương cho ta thấy hình ảnh bà Tú lam lũ, vất vả, tảo tần, đồng thời vô tình bộc lộ nhân cách cao đẹp của ông.

THƯƠNG VỢ

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như*

(Trần Tế Xương)

2.2.2. Mô hình khái quát tác phẩm *Thương vợ*



2.2.3. Mô hình chi tiết tác phẩm *Thương vợ*

Mã ngôn ngữ	Nội dung biểu đạt	
	Bà Tú	Ông Tú
- <i>Quanh năm</i> <i>Mom sông</i>	Thời gian làm việc liên tục không ngừng nghỉ nơi địa hình hiểm trở, cheo leo đầy bất trắc.	Yêu thương, quý trọng vợ, nhận ra sự lam lũ, tần tảo của vợ. Ẩn sau là nụ cười tự trào chua chát của người chồng “ăn lương vợ”.
- <i>Nuôi đủ</i> <i>Năm con một chồng</i> (nhịp 4/3)	Sự đảm đang, tháo vát và chu đáo.	
- <i>Lặn lội thân cò</i> <i>Khi quăng vẳng</i> (Đảo ngữ, ẩn dụ, từ láy, đối)	Thân phận gian truân, tội nghiệp, vất vả nhưng đơn chiếc, không ai giúp đỡ.	Khâm phục, biết ơn sự gian truân, vất vả của vợ, đồng thời thể hiện sự tri ân với người vợ thân yêu.
- <i>Eo sèo</i> <i>Buổi dò đông</i>	Bà Tú không chỉ đơn độc mà còn chen chúc, bươn chải trong mua bán.	
- <i>Một duyên hai nợ</i> <i>Năm nắng mười</i> <i>mưa</i> (thành ngữ chéo, số từ)	Lam lũ, vất vả, cơ cực thì chồng chất mà hạnh phúc nhận được quá ít ỏi.	
- <i>Âu đành phận</i> <i>Dám quản công</i>	Chấp nhận số phận, không hề kêu than, bà là người giàu đức bao dung, độ lượng, hết lòng vì chồng vì con.	Nhà thơ cảm phục, trân trọng trước đức hi sinh và tấm lòng vị tha của bà Tú.
- <i>Thói đời</i>	Nhà thơ mượn lời bà Tú	
		Không chỉ nhận thấy sự cơ

<p><i>Ăn ở bạc</i></p>	<p>để chửi thói đời, chửi bản thân, chửi tất cả những người đàn ông bạc bẽo với vợ trong xã hội phong kiến</p>	<p>cực, vất vả của vợ mà còn tự phán xét bản thân. Đó là nhân cách cao đẹp của ông Tú, tự nhận lỗi lầm, sống chan hòa, cởi mở, tri âm với vợ.</p>
------------------------	--	---

2.2.4. Giới thuyết mô hình tác phẩm *Thương vợ*

Thơ nước Nam xưa nay có những bài thương vợ, khóc vợ rất cảm động. Nguyễn Khuyến có câu đối khóc vợ đầy thương xót, nhớ thương, Tú Mỡ khóc người vợ hiền cũng tha thiết, nào nùng thay! Tuy nhiên, các thi nhân đều khóc vợ khi người vợ tảo tần đã qua đời. Riêng đối với Tú Xương, ông làm thơ về vợ ngay khi vợ mình còn sống, thậm chí viết cả văn tế sống vợ. Nhắc đến Tú Xương, người ta thường nhớ đến ngòi bút trào phúng đanh thép, sắc sảo.

Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt

Dưới sân ông cử ngông đầu rồng

Nhưng độc giả cũng không thể quên một Tú Xương trữ tình mà đằm thắm, đặc biệt là những tình cảm ưu ái ông dành cho người vợ thân yêu của mình. Có thể nói, *Thương vợ* là tác phẩm thể hiện đặc sắc nhất bút pháp trữ tình cũng như tình cảm thiêng liêng ông dành cho người vợ thân yêu. Bài thơ được kiến tạo dựa trên cấu tứ song hành giữa hai hình tượng ông Tú và bà Tú.

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Ông Tú nói chuyện bà Tú buôn bán để nuôi con và nuôi mình là cách nói đáng lưu ý. Một năm có 365 ngày, chả nhẽ bà Tú chạy chợ hết 365 ngày? Ít nhất bà cũng có mấy ngày nghỉ tết nhất, giỗ chạp, hoặc về bên ngoại thăm bố mẹ, em út... Nhưng ông Tú vẫn tính tất cho bà 365 ngày, *quanh năm* tức hết ngày này sang ngày khác, hết tháng này sang tháng khác, người dân lao động xưa, muốn nói đến cảnh làm ăn cơ cực của mình đã tạo ra thành ngữ *quanh năm tận tháng* bên cạnh thành ngữ *đầu tắt mặt tối*. Ông Tú đã học nếp nghĩ của người nông dân để bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với người vợ thân yêu một cách triệt để. Nơi

buôn bán của bà Tú thì sao? Ở *mom sông* - nơi đầu sông Vị Hoàng chảy ra sông Nam Định. Theo Xuân Diệu thì *mom sông là cheo leo, chênh vênh chứ không phải một bến sông ngang tấp nập bình thường*. Cảnh ngộ buôn bán của bà Tú đầy bất trắc, nguy hiểm. Qua cách kể lại công việc lam lũ, tảo tần của bà Tú đã bộc lộ sự ghi nhận công lao một cách triết để của ông Tú đối với vợ mình. Cảnh ngộ làm ăn là thế nhưng bà Tú vẫn nuôi đủ *năm con với một chồng*. Cuộc sống của ông Tú chưa có gì gọi là sung sướng *Cơm hai bữa cá kho rau muống/ Quả một chiều khoai lang lúa ngô* nhưng đối với ông Tú thế là vui, thế là đủ để ông cảm cái ơn bà Tú lắm rồi. Và do thế mà ngay trong cặp thơ đề, hình ảnh bà Tú đã thấp thoáng hiện lên lớn đẹp vô cùng. Cả đám cha con ông Tú sống trong sự cưu mang của bà Tú, lời nói tựa như chơi mà ý tình sâu nặng biết bao. Ông nói *năm con riêng, một chồng riêng* như thế là vì con mang ơn mẹ đã đành. Còn phần ông, ông chịu ơn vợ thì ông nói riêng ra cho thật rõ, nói riêng ra để không mập mờ dù là một chút. Cuộc sống lam lũ là thế mà bà Tú vẫn *nuôi đủ* cho ta thấy bà là người vợ rất đảm đang, tháo vát nhưng ẩn sau đấy là nụ cười tự trào chua xót của Tú Xương. Đẻ con ra có ít đâu, những năm đứa, nhưng nuôi con là trách nhiệm, bổn phận của cha mẹ, điều đặc biệt ở đây là bà Tú phải nuôi chồng như một *đứa con đặc biệt*. Có lẽ vì thế mà Tú Xương đã tách riêng mình với các con, tạo ra nhịp thơ 4/3 diễn tả gánh nặng bên chồng bên con đè nặng lên đôi vai mỏng manh, tội nghiệp của bà Tú. Xuân Diệu cho rằng *thì ra chồng cũng là đứa con đại, đếm con năm con chứ ai lại đếm chồng, tại vì phải nuôi chồng giống như phải nuôi con nên mới liệt ngang hàng mà đếm*. Ông Tú tự liệt mình ngang hàng với con là biết nhận lỗi, ông nói toạc ra mà không ngượng miệng, ngượng bút tí nào nhằm thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng vợ. Qua đó, thể hiện sự hổ thẹn của bản thân, đâu rồi người chồng *Trên đồng cạn, dưới đồng sâu/ Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa* mà chỉ còn người chồng *dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, còn tiền bạc phó cho con mụ nó kiếm*. Loại chồng như ông Tú ở xã hội phong kiến quả thật không phải là ít. Nhưng ở ông Tú có một điều mà không phải ai cũng có được đó là ông tỏ ra biết lỗi, biết đền bù lại cho vợ bằng cái tình, bằng tấm lòng yêu thương, trân trọng.

Lặn lội thân cò nơi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Hai câu thực gợi lên cảnh làm ăn vất vả, tội nghiệp hàng ngày của bà Tú. Hình ảnh con cò trong thơ xưa từ lâu đã đi vào hồn thơ giàu rung động của Tú Xương với biết bao xót xa thương cảm nay chọt vọt dậy vỗ cảnh vào thi hứng *Thương vợ*. Ca dao xưa vang vọng rằng *Con cò lặn lội bờ ao/ Lặn lội đưa chồng tiếng khóc nỉ non* hay *Con cò mà đi ăn đêm/ Đâu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*, hình ảnh con cò ở đây trông đã thương cảm lắm rồi thế mà thân cò của Tú Xương hiện lên còn xót xa, thương cảm hơn. Bởi nó có phổ khái quát rộng - hình ảnh khái quát của những người phụ nữ Việt Nam ngược xuôi tần tảo, gian nan cực nhọc vì chồng vì con. Tú Xương đã nâng tầm khái quát con cò trong ca dao ngàn xưa lên một tầm cao mới để nói cho hết tấm lòng thương cảm da diết của mình đối với cuộc đời làm ăn vất vả, cơ cực của vợ.

Tác giả còn sử dụng biện pháp đảo ngữ, đảo ngược vị trí của các từ trong câu khiến ta đọc câu thơ cảm thấy tức ngược gọi liên tưởng tới những khó khăn, trắc trở mà bà Tú gặp phải *khi quăng văng*. Nếu chỉ là *nơi quăng văng* thì mới gọi được sự hoang vắng về không gian, nhưng *khi quăng văng* thì đã lột tả được sự vắng vẻ, rợn ngợp của cả không gian và thời gian. Thế mới thấy được bút lực tài tình của Tú Xương, vừa cho ta thấy được sự cô đơn, lẻ loi, lúi húi một mình kiếm sống giữa cuộc đời trơ trọi, vừa thể hiện được sự quan tâm, săn sóc của mình đến vợ. Tuy không giúp được gì nhiều nhưng ông luôn đứng sau dõi theo bà. Nơi buôn bưng bán thúng bà Tú phải *eo sèo* kì kèo, mặc cả, phải mua tranh bán cướp, tác giả như muốn chia sẻ cùng bà những cố gắng bươn chải để kiếm đồng tiền bát gạo nuôi chồng nuôi con. Hẳn có lần bà Tú đã nghe lời mẹ dặn *Con ơi, mẹ dặn câu này/ Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua* thế nhưng vì cuộc sống mưu sinh bà phải liều lĩnh qua đò *buổi đò đông*. Khi quăng văng, lúc sớm tinh sương lẫn đêm khuya thân gái dặm trường vất vả, cô độc mà ông Tú không có mặt để đỡ đần, nay đến chốn đông người lại phải bon chen, vật lộn mà sống. Sự đối lập giữa hai câu thơ là sự nối tiếp nhau về ý, nhấn mạnh sự cơ cực, tần tảo của bà Tú, đồng thời không giấu nổi sự khâm phục, biết ơn của ông Tú đối với vợ.

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công

Đây là lời ông Tú nói hộ bà Tú xuất phát từ ý câu ca dao *Một duyên hai nợ ba tình/*

Chiêm bao lẫn khuất bên mình năm canh. Quan niệm duyên nợ là của đạo Phật, bà lấy ông có năm con đó là duyên, có duyên mới lấy được nhau nhưng đó còn là nợ *Chồng gì anh, vợ gì tôi/ Chẳng qua là cái nợ đời đó thôi.* Đối với bà Tú, duyên nợ đã do trời định sẵn nên bà không kêu ca, oán than, cho nên dầu vất vả, gian truân, cơ cực chồng chất trên đôi vai mỏng manh với *năm nắng mười mưa* bà cũng không hề có ý kể công mà chỉ coi đó là trách nhiệm, tình cảm dành cho chồng cho con. *Âu đành phận, dám tính công* không chỉ là chấp nhận mà là cam chịu đến nhẫn nhục số phận của mình, có lẽ vì thế mà ông Tú càng yêu thương, quý trọng vợ mình hơn. Đức tính của bà Tú là đức tính đáng quý đáng trân trọng của người mẹ, người vợ, người phụ nữ Việt Nam, vừa đảm đang, khéo léo hết lòng vì chồng vì con mà quên thân quên mình, khiêm tốn, giản dị mà giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh. Bà Tú trong cái nhìn và cảm nhận của ông Tú là người phụ nữ tuyệt vời như thế.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không

Bài thơ kết thúc bằng tiếng chửi mát nhưng ở đây ai chửi và chửi cái gì? Một người tàn tạ, chịu thương chịu khó như bà Tú hẳn có bao giờ lại chửi như thế. Ông Tú chửi mát chính ông Tú về cái tội *ăn ở bạc*, cái tội làm chồng mà *hờ hững như không*, làm chồng mà phải để vợ trăm nghìn cơ cực như thế! Tú Xương chửi những người chồng bạc bẽo, thiếu trách nhiệm đối với vợ con, chỉ là những kẻ *dài lưng tốn vải ăn no lại nằm* không giúp gì được cho vợ. Tú Xương càng thương, càng nghĩ cho bà Tú bao nhiêu thì lại thấy mình *ăn ở bạc*, càng thấy mình *hờ hững* bấy nhiêu. Đọc đi đọc lại câu thơ cứ thấy nhói lên một lời thương cảm, lời tự phán của ông Tú. Ông chửi mình đã đành lại chửi sang cả *thói đời*. Tiếng chửi ấy ngoài là lời tự xỉ vả còn hướng đến cả cái xã hội thực dân nửa phong kiến bất nhân đương thời. Cái xã hội đã sản sinh ra những lễ giáo bất công cứ bắt chồng phải đi thi làm quan còn vợ phải lo việc nhà, đó là tiếng chửi đanh thép đối với xã hội đương thời. Câu chửi có vẻ ngoa ngoắt nhưng lại chứng tỏ ông không *hờ hững* với vợ tí nào. Nếu bạc bẽo, *hờ hững* thì làm sao ông có thể hiểu nỗi cơ cực của vợ lúc *quãng vắng, đò đông*, lòng vị tha, đức hi sinh của vợ. Chỉ có người chồng tri âm, tri kỉ mới thấu hiểu, mới hỗ trợ, xấu hổ vì sự vô công rồi nghề của mình. Lời than, tiếng chửi không phải của bà Tú mà là ông Tú đặt vào bà Tú càng làm nổi bật nhân cách cao đẹp của ông.

Qua mô hình nghệ thuật bài *Thương vợ* ta thấy rõ sự song hành giữa hai hình tượng ông Tú và bà Tú. Bà Tú hiện lên là một người mẹ, người vợ Việt Nam với bao phẩm chất cao quý: chịu thương, chịu khó, hi sinh tất cả cho chồng cho con mặc dù cuộc đời phải ngược xuôi vất vả, tủi nhục, đắng cay. Điều đó được thể hiện qua tấm lòng yêu thương, trân trọng vợ của ông Tú, từ đó làm nổi bật nhân cách sáng ngời của ông. Thơ *Thương vợ* của ông Tú, chữ nghĩa giản dị mà ý tình sâu nặng là thế!

2.4. Thiết kế giáo án thực nghiệm

Tiết PPCT: 10, 11 - Đọc văn:

THƯƠNG VỢ
Trần Tế Xương

A. Mức độ cần đạt

I. Về kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình ảnh bà Tú và tình cảm yêu thương quý trọng của Tú Xương dành cho vợ.

- Thấy được thành công nghệ thuật của bài thơ: từ ngữ giàu sức biểu cảm, vận dụng sáng tạo hình ảnh văn học dân gian.

II. Về kĩ năng:

- Huy động những tri thức về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, ngôn ngữ ... để có những cảm nhận rõ nét hơn về tác phẩm.

- Vận dụng những kiến thức đã học về thơ Đường luật để cảm nhận và phân tích được thành công nghệ thuật của bài thơ.

- Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để tìm hiểu những tác phẩm văn học trung đại khác của Việt Nam; rút ra những bài học về lí tưởng sống, cách sống từ bài thơ, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

III. Về thái độ:

Yêu mến, trân trọng đức hi sinh của những người phụ nữ Việt Nam

VI. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thơ

- Năng lực đọc – hiểu thơ trung đại

- Năng lực giao tiếp, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vẻ đẹp của bài thơ

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm với thơ cùng đề tài trong thơ trung đại.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

- Năng lực tự học

- Năng lực thẩm mỹ

B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

I. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Tranh ảnh về nhà thơ Tú Xương, video, hình ảnh về những người mẹ, người vợ...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

II. Chuẩn bị của học sinh

- Học sinh chủ động tìm hiểu bài qua hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.
- Đồ dùng học tập.

C. Tổ chức dạy và học.

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận phân tích?

3. Tổ chức dạy và học bài mới

I. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Hãy cho biết những câu ca dao sau đều nói đến tình cảm giữa ai với ai?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: suy nghĩ, thảo luận theo bàn GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận. GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức <i>Thơ nước Nam xưa nay có những bài thương vợ, khóc vợ rất cảm động. Nguyễn Khuyến có câu đối khóc vợ đầy thương xót, nhớ thương, Tú Mỡ khóc người vợ hiền cũng tha thiết, nỡ nùng thay! Tuy nhiên, các thi nhân đều khóc vợ khi người vợ tảo tần đã qua đời.</i></p>	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.- Có thái độ tích cực, hứng thú. <i>Râu tôm nấu với ruột bầu Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon</i> (Ca dao)<i>Tay nâng đĩa muối chén gừng Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau</i> (Ca dao)<i>Chim quỳên ăn trái nhãn lồng Lia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi</i> (Ca dao)

<p>Riêng đối với Tú Xương, ông làm thơ về vợ ngay khi vợ mình còn sống, thậm chí viết cả văn tế sống vợ. Nhắc đến Tú Xương, người ta thường nhớ đến ngòi bút trào phúng đanh thép, sắc sảo. “Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt/ Dưới sân ông cử ngóng đầu rồng”. Nhưng độc giả cũng không thể quên một Tú Xương trữ tình mà đằm thắm, đặc biệt là những tình cảm ưu ái ông dành cho người vợ thân yêu của mình. Có thể nói, Thương vợ là tác phẩm thể hiện đặc sắc nhất bút pháp trữ tình cũng như tình cảm thiêng liêng ông dành cho người vợ thân yêu. Bài thơ được kiến tạo dựa trên cấu tứ song hành giữa hai hình tượng ông Tú và bà Tú.</p>	<p>➔ Tình nghĩa vợ chồng thủy chung, son sắc, mặn nồng</p>
--	---

II. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC	
Hoạt động của GV – HS	Nội dung cần đạt
<p>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu những nét khái quát về tác giả Phạm Ngũ Lão và tác phẩm “Thuật hoài”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật dạy học: thảo luận nhóm, vấn đáp. - Hình thức tổ chức dạy học: học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chia HS thành 2 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm 1: Dựa vào phần Tiểu dẫn, em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Tú Xương?</p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Tế Xương (1870- 1907) quê làng Vị Xuyên - Mĩ Lộc - Nam Định. - Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử. - Sáng tác gồm hai mảng: trữ tình và trào phúng. - Có cống hiến quan trọng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca dân tộc. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài: Viết về bà Tú, bà Phạm thị Mẫn quê ở Hải Dương, có thời gian buôn gạo để nuôi chồng con. - Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật. <p>➔ <i>Thương vợ</i> là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất.</p>

Nhóm 2: Bài thơ viết theo thể thơ gì?

Đề tài bài thơ có gì đặc biệt?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: suy nghĩ, thảo luận, ghi vào bảng phụ.

GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận.

GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

- Con người:

+ Đi học sớm nổi tiếng thông minh, giỏi thơ phú

+ Cá tính sắc sảo, sống phóng túng, không gò mình vào khuôn phép trường thi. Tám lần thi hỏng chỉ đậu Tú tài. Cuộc đời ngắn ngủi, nhiều gian truân và một sự nghiệp thơ ca bất tử.

Sự nghiệp:

* Để lại hơn 100 bài thơ gồm nhiều thể loại: Thơ, phú, câu đối...

* Nội dung:

- Thơ trào phúng:

+ Có sức châm biếm mạnh mẽ sâu sắc.

+ Tiếng cười trong thơ Tú Xương có nhiều cung bậc: Châm biếm sâu cay, đả kích quyết liệt, tự trào mang sắc thái ân hận ngậm ngùi...

- Trữ tình

+ Nỗi u hoài trước sự đổi thay của làng quê.

+ Tâm sự bất mãn với đời. Bộc lộ lòng yêu nước xót xa trước vận mệnh dân tộc.

→ Thơ trào phúng và trữ tình của ông đều xuất phát từ tấm lòng gắn bó sâu nặng với dân tộc, đất nước; có cống hiến quan trọng về phương diện nghệ thuật cho thơ ca dân tộc.

Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học

sinh đọc hiểu văn bản

Mục tiêu: Giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của bà Tú và nhân cách cao đẹp của ông Tú; nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

- Kỹ thuật dạy học: đọc diễn cảm, thảo luận nhóm, vấn đáp, công đoạn...

- Hình thức tổ chức dạy học: học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Phần mô hình nghệ thuật sẽ sử dụng kỹ thuật công đoạn, nhóm 1 làm xong chuyển sang nhóm 2 → nhóm 3 → nhóm 4

- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ:

Nhóm 1: Cảm nhận hình ảnh bà Tú trong 4 câu thơ đầu? điền từ thích hợp vào ô trống của phiếu số 5?

Nhóm 2: Bà Tú có những đức tính cao đẹp gì? Thể hiện qua những hình ảnh nào? Nghệ thuật? điền từ thích hợp vào ô trống của phiếu số 5?

Nhóm 3: Hình ảnh ông Tú trong bài thơ hiện lên như thế nào?

Nhóm 4: Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân cách của ông Tú? Hoàn thành các ô còn để trống của mô hình nghệ thuật “Thương vợ” của phiếu số 5?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: suy nghĩ, thảo luận, ghi vào bảng phụ.

GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận. Các nhóm bổ sung, nhận

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN:

1. Hình ảnh bà Tú

a. Nỗi vất vả, gian truân

- Thời gian: *quanh năm* → liên tục, không ngừng nghỉ.

- Không gian: *mom sông* → gợi sự cheo

xét

GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

-Nhóm 1: nổi vất vả gian truân của bà Tú

- *Quanh năm* tức hết ngày này sang ngày khác, hết tháng này sang tháng khác, người dân lao động xưa, muốn nói đến cảnh làm ăn cơ cực của mình đã tạo ra thành ngữ *quanh năm tận tháng* bên cạnh thành ngữ *đầu tắt mặt tối*. Ông Tú đã học nếp nghĩ của người nông dân để bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với người vợ thân yêu một cách triệt để. Nơi buôn bán của bà Tú thì sao? Ở *mom sông* - nơi đầu sông Vị Hoàng chảy ra sông Nam Định. Theo Xuân Diệu thì *mom sông là cheo leo, chênh vênh chứ không phải một bến sông ngang tấp nập bình thường*. Cảnh ngộ buôn bán của bà Tú đầy bất trắc, nguy hiểm.

- Hình ảnh con cò trong thơ xưa từ lâu đã đi vào hồn thơ giàu rung động của Tú Xương với biết bao xót xa thương cảm nay chọt vọt dậy vỗ cánh vào thi hứng *Thương vợ*. Ca dao xưa vang vọng rằng *Con cò lặn lội bờ ao/ Lặn lội đưa chồng tiếng khóc nỉ non* hay *Con cò mà đi ăn đêm/ Đâu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*, hình ảnh con cò ở đây trông đã thương cảm lắm rồi thế mà *thân cò* của Tú Xương hiện lên còn xót xa, thương cảm hơn.

- Tác giả còn sử dụng biện pháp đảo ngữ, đảo ngược vị trí của các từ trong câu khiến ta đọc câu thơ cảm thấy tức ngược gọi liên tưởng tới những khó khăn, trắc trở mà bà Tú gặp phải *khi quăng văng*. Nơi buôn bán bán thúng bà Tú phải *eo sèo* kì kèo, mặc cả, phải mua tranh bán cướp. Hẳn có lần bà Tú đã nghe lời mẹ dặn *Con ơi, mẹ dặn câu này/ Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua* thế nhưng vì cuộc sống mưu sinh bà phải liều lĩnh qua đò *buổi đò đông*

leo, chênh vênh, hiểm trở, đầy bất trắc

Lặn lội thân cò khi quăng văng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

- Đảo ngữ, từ láy: nhấn mạnh sự khó khăn, trắc trở

- *Thân cò*: ẩn dụ, gọi thân phận nhỏ bé, gian truân của bà Tú.

- *Khi quăng văng* > < *Buổi đò đông*:

đổi nhau về từ ngữ nhưng nối tiếp nhau về ý nghĩa, dấu nơi vắng vẻ hay đông đúc bà Tú đều cơ cực, vất vả.

=> Hình ảnh bà Tú chịu thương chịu khó hết lòng vì chồng vì con.

b. Đức tính cao đẹp của bà Tú

- *Nuôi đủ năm con với một chồng*: nhíp 4/3 gánh nặng bên chồng bên con → đảm

- Nhóm 2: đức tính cao đẹp của bà Tú

Cảnh ngộ làm ăn là thế nhưng bà Tú vẫn nuôi đủ năm con với một chồng. Cuộc sống của ông Tú chưa có gì gọi là sung sướng *Cơm hai bữa cá kho rau muống/ Quả một chiều khoai lang lúa ngô* nhưng đối với ông Tú thế là vui, thế là đủ để ông cảm cái ơn bà Tú lắm rồi.

Quan niệm duyên nợ là của đạo Phật, bà lấy ông có năm con đó là duyên, có duyên mới lấy được nhau nhưng đó còn là nợ *Chồng gì anh, vợ gì tôi/ Chẳng qua là cái nợ đời đó thôi*. Đối với bà Tú, duyên nợ đã do trời định sẵn nên bà không kêu ca, oán than, cho nên dẫu vất vả, gian truân, cơ cực chồng chất trên đôi vai mỏng manh với *năm nắng mười mưa* bà cũng không hề có ý kể công mà chỉ coi đó là trách nhiệm, tình cảm dành cho chồng cho con. *Âu đành phận, dám tính công* không chỉ là chấp nhận mà là cam chịu đến nhẫn nhục số phận của mình. Đức tính của bà Tú là đức tính đáng quý đáng trân trọng của người mẹ, người vợ, người phụ nữ Việt Nam, vừa đảm đang, khéo léo hết lòng vì chồng vì con mà quên thân quên mình, khiêm tốn, giản dị mà giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh.

- Nhóm 3: Hình ảnh ông Tú

Cuộc sống lam lũ là thế mà bà Tú vẫn *nuôi đủ* cho ta thấy bà là người vợ rất đảm đang, tháo vát nhưng ẩn sau đây là nụ cười tự trào chua xót của Tú Xương. Xuân Diệu cho rằng *thì ra chồng cũng là đứa con dại, đếm con năm con chứ ai lại đếm chồng, tại vì phải nuôi chồng giống như phải nuôi con nên mới liệt ngang hàng mà đếm*. Ông Tú tự liệt mình ngang hàng với con là biết nhận lỗi, ông nói toạc ra mà không ngượng miêng, ngượng bứt tí nào nhằm thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng vợ.

- Bài thơ kết thúc bằng tiếng chửi mát nhưng ở đây ai chửi và chửi cái gì? Một người tần

đang, tháo vát chu toàn với chồng con.

- *Một duyên hai nợ*: hạnh phúc thì ít, cơ cực thì nhiều.

- *Năm nắng mười mưa*: thành ngữ chéo, số đếm tang cấp → nỗi vất vả chồng chất.

- *Âu đành phận, dám quản công*: sự cam chịu, nhẫn nhục của bà Tú

→ bà Tú là người vợ tảo tần, lam lũ, đảm đang, vị tha và giàu đức hi sinh.

2. Hình ảnh ông Tú

- Ẩn sau sự lam lũ, vất vả của bà Tú là ánh mắt dõi theo của ông Tú:

+ Yêu thương, quý trọng.

+ Khâm phục, biết ơn sự gian truân, vất vả của vợ, đồng thời thể hiện sự tri ân với người vợ thân yêu.

- *Nuôi đủ năm con với một chồng*: tác giả tự nhận là đứa con đặc biệt (tự trào)

- Lời chửi:

+ Ông tự trách bản thân vô tình, bạc bẽo

+ Chửi những người chồng vô trách

<p>tảo, chịu thương chịu khó như bà Tú hẳn có bao giờ lại chửi như thế. Ông Tú chửi mạt chính ông Tú về cái tội <i>ăn ở bạc</i>, cái tội làm chồng mà <i>hờ hững như không</i>, làm chồng mà phải để vợ trăm nghìn cơ cực như thế! Tú Xương chửi những người chồng bạc bẽo, thiếu trách nhiệm đối với vợ con, chỉ là những kẻ <i>dài lưng tốn vải ăn no lại nằm</i> không giúp gì được cho vợ. Ông chửi mình đã đành lại chửi sang cả <i>thói đời</i>. Tiếng chửi ấy ngoài là lời tự xỉ vả còn hướng đến cả cái xã hội thực dân nửa phong kiến bất nhân đương thời.</p> <p>Nhóm 4: Vẽ đẹp nhân cách của ông Tú, hoàn thành mô hình nghệ thuật</p> <p>Tú Xương có thể hiểu nổi cơ cực của vợ lúc <i>quãng vắng, đò đông</i>, lòng vị tha, đức hi sinh của vợ. Chỉ có người chồng tri âm, tri kỉ mới thấu hiểu, mới hổ thẹn, xấu hổ vì sự vô công rồi nghề của mình. Lời than, tiếng chửi không phải của bà Tú mà là ông Tú đặt vào bà Tú càng làm nổi bật nhân cách cao đẹp của ông.</p> <p><i>GV giảng giải lại mô hình nghệ thuật cho học sinh, nắm bắt hai hình tượng nghệ thuật song hành là vẻ đẹp của bà Tú, qua đó bộc lộ nhân cách cao đẹp của ông Tú</i></p>	<p>nhiệm</p> <p>+ Chửi xã hội phong kiến bất công với người phụ nữ</p> <p>→ Nhân cách cao đẹp của Tú Xương: tự nhận khuyết điểm, hết lòng yêu thương, cởi mở và tri ân với vợ.</p>
<p>Thao tác 3: Gv hướng dẫn HS tổng kết</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời. - Học sinh khác thảo luận, nhận xét. - GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, chuẩn hóa kiến thức 	<p>III. TỔNG KẾT</p> <p>1) Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn học dân gian, thành ngữ, khẩu ngữ. - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng <p>2) Ý nghĩa văn bản</p> <p>Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.</p>

III. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	
<p>GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Tiếng cười nào được cất lên trong câu thứ hai của bài thơ <i>Thương vợ</i>?</p> <p>a. Châm biếm bọn đàn ông vô tích sự một cách sâu cay. b. Đả kích bọn đàn ông vô tích sự một cách quyết liệt. c. Mỉa mai, tự trào về cái vô tích sự của mình. d. Chế nhạo, giễu cợt.</p> <p>Câu hỏi 2: Dòng nào nói không đúng về hình ảnh bà Tú được gọi lên trong câu thơ “Lặn lội thân cò khi quãng vắng”?</p> <p>a. Cô đơn. b. Vất vả. c. Tội nghiệp. d. Yếu đuối.</p> <p>Câu hỏi 3: Tú Xương gửi gắm tâm sự qua hai câu luận của bài thơ <i>Thương vợ</i>?</p> <p>a. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú. b. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu thủy chung của bà Tú. c. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình. d. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>TRẢ LỜI</p> <p>[1]=c [2]=d [3]=a</p>
IV. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG	
<p>- Phương pháp viết bài thu hoạch</p> <p>GV giao nhiệm vụ: Từ bài thơ <i>Thương vợ</i>, hãy viết đoạn văn khoảng 10 dòng về vẻ đẹp hình ảnh người phụ nữ Việt Nam.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV định hướng cho xem một</p>	<p>1. Đảm bảo hình thức của một đoạn văn</p> <p>2. Nội dung</p> <p>- Như thế nào là <i>đẹp</i>?</p> <p>- Biểu hiện vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam? (vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn)</p> <p>- Cần có thái độ, hành động như thế nào nhằm gìn giữ, trân quý vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam</p> <p>- Bài học bản thân</p>

*số hình ảnh về những người
vợ, người mẹ lam lũ, tần tảo...*

V. HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÀI, MỞ RỘNG

GV giao nhiệm vụ:

+ Tìm đọc các bài viết bình giảng về bài thơ của các nhà nghiên cứu phê bình

+ Phác hoạ bài thơ bằng tranh minh hoạ

+ Sáng tác thơ (thể thơ thất ngôn bát cú) đề tài về MẸ

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.

- Chuyển thể bằng tranh vẽ dựa trên văn bản.

4. Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.

- Học thuộc lòng bài thơ.

- Chuẩn bị bài: Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân. (Luyện tập)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm 1: Cảm nhận hình ảnh bà Tú trong 4 câu thơ đầu? điền từ thích hợp vào ô trống của phiếu số 5?

- Gợi ý: Bà Tú làm việc trong thời gian, không gian như thế nào?

Hai câu thực sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? (Hình ảnh “thân cò” thường xuất hiện trong bộ phận văn học nào?)

Kết luận

- Từ khóa: Bà Tú làm việc như thế nào? (phiếu số 5)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm 2: Bà Tú có những đức tính cao đẹp gì? Thể hiện qua những hình ảnh nào? Nghệ thuật? điền từ thích hợp vào ô trống của phiếu số 5

- Gợi ý: - “Nuôi đủ” thể hiện đức tính gì của bà Tú?

- Hai câu luận bộc lộ đức tính gì của bà Tú?

- Kết luận

- Từ khóa: Bà Tú có những đức tính nào? (phiếu số 5)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm 3: Hình ảnh ông Tú trong bài thơ hiện lên như thế nào?

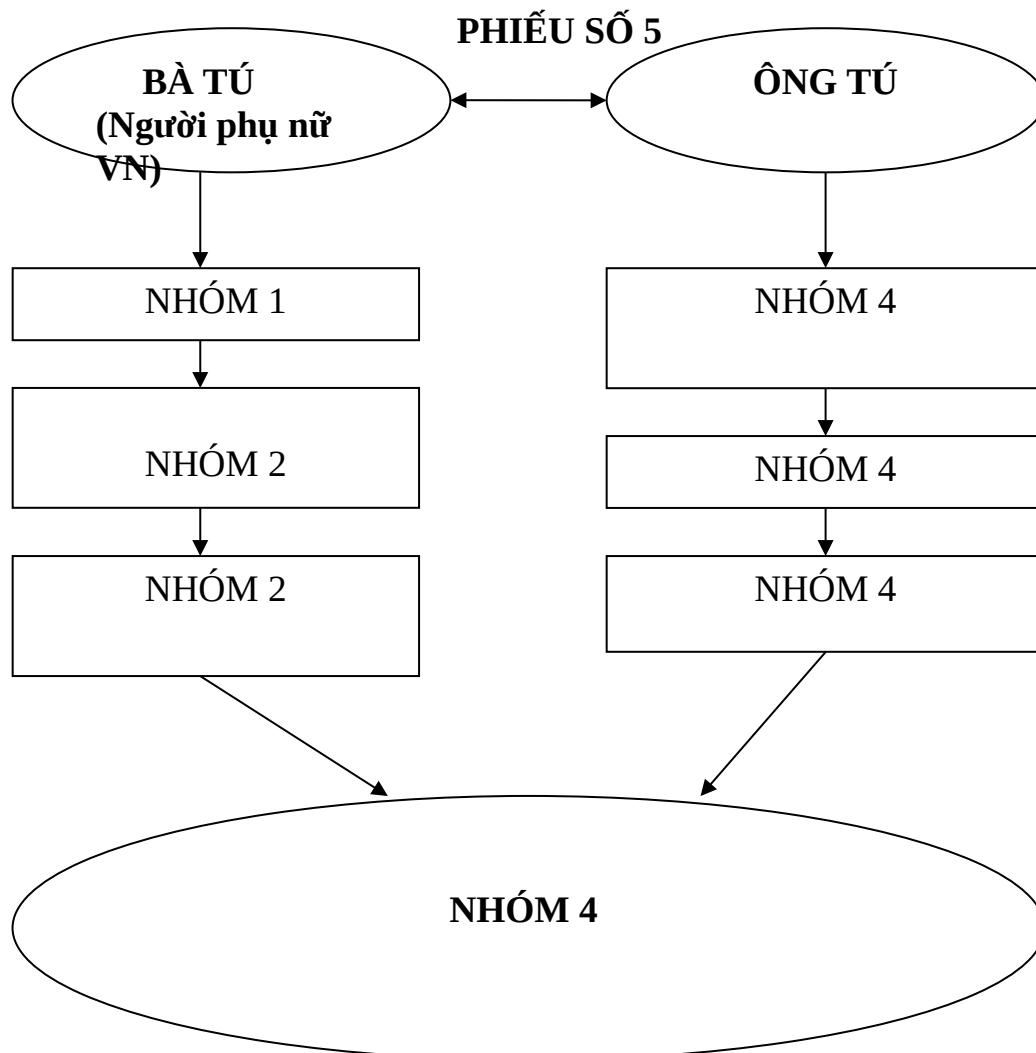
- Chú ý ẩn sau hình ảnh bà Tú là ánh mắt của ai? Vậy ông Tú xuất hiện như thế nào trong bài thơ? Đặc biệt, hình ảnh tác giả xuất hiện rõ nét ở những câu thơ nào? Tiếng chửi ở hai câu kết có ý nghĩa gì?

- Kết luận

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Nhóm 4: Cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân cách của ông Tú? Hoàn thành các ô còn để trống của mô hình nghệ thuật “Thương vợ” trong phiếu số 5?

- Từ khóa: hình ảnh ông Tú hiện lên song hành với hình ảnh bà Tú như thế nào? Vẻ đẹp của ông Tú và bà Tú là gì? (phiếu số 5)



2.3. Hiệu quả khi sử dụng mô hình nghệ thuật tác phẩm *Thương vợ* trong giảng dạy

Qua quá trình thực nghiệm, khi đưa mô hình nghệ thuật của tác phẩm *Thương vợ* vào trong giảng dạy, tôi đã nhận được những phản hồi rất tích cực từ học sinh. Nếu như theo phương pháp thông thường, học sinh khó có thể hệ thống hóa được kiến thức một cách khoa học thì với mô hình nghệ thuật học sinh “nhẹ nhàng” trong việc ghi nhớ, nắm bắt các đơn vị kiến thức. Các em đã nhận diện được hình ảnh nhân vật bà Tú và ông Tú ẩn sau các tín hiệu ngôn ngữ thẩm mỹ của bài thơ. Đặc biệt là các tín hiệu ngôn ngữ chỉ tập trung thể hiện phẩm chất, tính cách nhân vật người vợ đảm đang, bao dung - thì với mô hình nghệ thuật – các em học sinh còn có thể khám phá được vẻ đẹp nhân cách sáng ngời của ông Tú ẩn sau những tín hiệu ngôn ngữ “phức tạp” ấy. Như vậy, với mô hình nghệ thuật, vấn đề “ngại học thuộc lòng” của học sinh phần nào được giải quyết. Bởi lẽ, lượng kiến thức của tác phẩm *Thương vợ* đã được mô hình hóa một cách gọn, nhẹ, giản đơn với hai hình ảnh song hành là ông Tú và bà Tú thì học sinh có thể tiếp nhận và ghi nhớ các đơn vị kiến thức ngay trong giờ học. Bên cạnh đó, mô hình nghệ thuật có hình vẽ trực quan, sinh động sẽ dễ dàng khắc sâu vào trí nhớ của học sinh. Đặc biệt với dung lượng ngắn gọn, súc tích sẽ tạo được tâm lý nhẹ nhàng, thoải mái cho học sinh khi lĩnh hội tri thức.

Để kiến tạo được mô hình nghệ thuật của *Thương vợ*, học sinh phải tìm hiểu mối liên hệ giữa các hình tượng nhân vật. Như thế, các em buộc phải kinh qua quá trình đọc – hiểu, cảm nhận tác phẩm một cách khái quát, tìm hiểu các đơn vị kiến thức hỗ trợ cho việc hình thành mô hình nghệ thuật của tác phẩm. Từ đó, giải quyết phần nào tình trạng “ngại đọc, ngại tìm hiểu” của học sinh.

Ngoài ra, muốn thiết lập được bản mã biểu đạt của các tín hiệu ngôn ngữ trong *Thương vợ*, học sinh sẽ tìm ra những tín hiệu thẩm mỹ tiêu biểu dưới sự hỗ trợ của giáo

viên, từ đó chủ động, tích cực trong việc khám phá ra nội dung biểu đạt của các tín hiệu ngôn ngữ. Với phương pháp lấy học sinh làm trung tâm sẽ kích thích các em học sinh suy nghĩ, tìm tòi ra ý nghĩa của văn bản. Việc trình bày những suy nghĩ ấy sẽ rèn luyện cho các em kỹ năng nói trước đám đông, rèn giũa về vốn từ ngữ, kỹ năng ứng xử các tình huống trong cuộc sống. Mô hình nghệ thuật sẽ là chất xúc tác tạo nên các phản ứng thẩm mỹ trong tâm hồn của các em học sinh. Khi tự bản thân khám phá ra cái hay, cái đẹp, cái toàn thiện của tác phẩm, học sinh sẽ cảm thấy tâm hồn mình như được thanh lọc, tạo ra các cảm xúc thẩm mỹ với các hình tượng có nét tương đồng với các hình tượng văn học. Đặc biệt, hình ảnh bà Tú đã khiến học sinh không thể không nghĩ đến hình ảnh người phụ nữ Việt Nam nói chung và người mẹ - của các em - nói riêng. Hình ảnh bà Tú cơ cực, lam lũ với đức tính bao dung, vị tha, hết lòng vì chồng vì con sẽ tái hiện lại phần nào hình ảnh người mẹ trong tâm trí của những đứa con. Hình ảnh đó sẽ khiến những trái tim ấy dâng tràn cảm xúc yêu thương, kính trọng và khâm phục người mẹ của mình. Qua mô hình nghệ thuật của tác phẩm *Thương vợ* giúp hình thành nên trong tâm tư các em những cảm xúc thẩm mỹ rất nhân văn đối với những người mẹ trong thực tế cuộc sống. Chính điều này tạo nên sự hứng thú, yêu thích của các em với tác phẩm *Thương vợ* nói riêng và văn chương nói chung. Bởi lẽ những tình huống có vần đề đó không chỉ có giá trị trong thời trung đại, lúc tác phẩm ra đời, mà đến ngay thời điểm hiện tại, nó vẫn còn giữ nguyên giá trị thời sự của mình. Vẻ đẹp của tác phẩm chính là những giá trị tư tưởng thẩm mỹ cao đẹp và thời sự ấy.

Tựu trung, qua thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy mô hình nghệ thuật tác phẩm *Thương vợ* của Tú Xương đã phần nào làm tròn sứ mệnh mà tôi kì vọng ở nó. Việc học sinh kiến tạo mô hình nghệ thuật của tác phẩm *Thương vợ* cùng sự định hướng của giáo viên, tôi đã phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh trong giờ Ngữ văn, kích thích tinh thần ham học hỏi, khám phá tác phẩm của các em, làm nảy sinh trong tiềm thức các em khao khát được giải mã tầng sâu ý nghĩa của ngôn từ. Mô hình đã khơi gợi

được hứng thú học tập và niềm đam mê đối với văn chương của học sinh, giải thoát tình trạng “buồn ngủ” trong giờ Ngữ văn. Bởi lẽ, mô hình đã giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp tinh khôi, trong ngần của tâm hồn khi cảm thụ cái đẹp.

2.4. Tiểu kết

Mô hình nghệ thuật là cái khung, cái sườn, là cấu trúc, là mạch vận động của tác phẩm văn học. Mỗi một tác phẩm có một mô hình nghệ thuật độc đáo, mới lạ, sâu sắc và nhất quán, khu biệt, có khả năng làm sống dậy một cách sinh động và sâu xa những thông điệp mà tác giả gửi gắm.

Mô hình nghệ thuật rất đa dạng và phong phú. Trên đây chỉ là mô hình nghệ thuật tác phẩm *Thương vợ* trong chương trình Ngữ văn 11. Khi tìm được mô hình nghệ thuật của tác phẩm nghĩa là ta đã có được chiếc chìa khóa để giải mã những bí ẩn của nghệ thuật ngôn từ. Với mô hình nghệ thuật, trong tiết dạy *Thương vợ*, tôi đã phần nào giải quyết những khó khăn trong việc tiếp cận tác phẩm của học sinh, giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách hệ thống, khoa học, dung lượng kiến thức gọn, nhẹ, dễ ghi nhớ, phát huy tính tích cực chủ động của học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong các tác phẩm nghệ thuật thì thường xuất hiện các kiểu dạng cấu trúc ngữ nghĩa như: mô hình nghệ thuật đối lập, mô hình nghệ thuật kể chuyện, mô hình nghệ thuật song hành, mô hình nghệ thuật triết lí, mô hình nghệ thuật dòng cảm xúc... Tuy nhiên, qua quá trình nghiên cứu và khảo sát tôi nhận thấy rằng: đối với các tác phẩm văn xuôi thì đa số các tác phẩm được kiến tạo dựa trên mô hình nghệ thuật kể chuyện. Tác phẩm trữ tình thì lại chủ yếu được xây dựng theo mô hình dòng cảm xúc. Riêng đối với các tác phẩm có sử dụng nghệ thuật đối lập, tương phản thì tần số mô hình nghệ thuật đối lập xuất hiện nhiều hơn.

Mô hình nghệ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận và khám phá tác phẩm văn học. Nếu chúng ta tìm ra được cấu trúc ngữ nghĩa của những tác phẩm văn học, ta sẽ có một cái nhìn toàn diện, tổng thể về những tác phẩm này, tránh được sự “phân mảnh”, “xé vụn” trong tiếp nhận văn bản. Mô hình nghệ thuật *Thương vợ* sẽ định hướng cách tiếp cận văn bản một cách khoa học, logic, đúng đắn trong quá trình khám phá văn bản của học sinh. Từ đó, giải quyết phần nào tình trạng “ngại học Văn, ngại đọc và tìm hiểu văn chương” của học sinh. Việc tìm và phát hiện mô hình nghệ thuật của các tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn lớp 11 (ban cơ bản) sẽ giúp cho việc cảm thụ và giải mã những tư tưởng thâm mĩ ẩn giấu trong tác phẩm được thuận lợi hơn, logic hơn. Nó sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động của học sinh và vai trò tổ chức, định hướng của người giáo viên trong quá trình truyền thụ tri thức.

2. Kiến nghị

Mô hình nghệ thuật là một khái niệm vẫn còn rất mơ hồ và phức tạp. Cho đến nay các nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước vẫn chưa đưa ra được một khái niệm về mô hình nghệ thuật mang tính nhất quán và hoàn chỉnh. Hi vọng vấn đề mô hình nghệ thuật sẽ được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm nhiều hơn, để giáo viên

có một cơ sở lí luận vững chắc nhằm thiết lập các mô hình nghệ thuật cho các văn bản. Mô hình nghệ thuật cũng rất phức tạp và đa dạng, tùy theo thể loại, tác phẩm mà có sự khu biệt giữa các mô hình. Chính vì thế mà việc tìm ra được cấu trúc ngữ nghĩa của tác phẩm văn học không phải là điều đơn giản. Có những tác phẩm tôi dễ dàng tìm ra mô hình như *Lẽ ghét thương* (Nguyễn Đình Chiểu), *Thương vợ* (Trần Tế Xương)... nhưng cũng có nhiều tác phẩm khó có thể định dạng được mô hình nghệ thuật như *Chí Phèo* (Nam Cao), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến)... Chính vì vậy, tôi cũng mong muốn có nhiều đồng nghiệp trong và ngoài tỉnh sẽ cùng tôi, kiến tạo nên các mô hình nghệ thuật của những tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn Phổ thông, góp phần nhỏ bé vào công cuộc đổi mới phương pháp dạy và học đối với bộ môn này.

Đề tài ***Mô hình nghệ thuật tác phẩm “Thương vợ” của Tú Xương*** trong chương trình Ngữ văn lớp 11 (ban cơ bản) là kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy tác phẩm *Thương vợ* của bản thân, là những phát kiến xuất phát từ góc nhìn chủ quan của một cá nhân. Chính vì vậy, đề tài này chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn. Xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phan Cảnh, *Ngôn ngữ thơ*, Nxb Văn học, HN, 2006.
2. Vũ Hoàng Cúc, *Khảo sát một số hình thức cấu tứ trong thơ trữ tình*, Luận văn tốt nghiệp đại học, Đắk Lắk, 2007.
3. Nguyễn Hải Châu (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hoàn, Nguyễn Khắc Đảm, *Giới thiệu giáo án Ngữ văn 11 (nâng cao, tập một)*, Nxb Hà Nội, 2007
4. Hữu Đạt, *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb GD, 1996.
5. Nguyễn Văn Đường (Chủ biên), *Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11 (nâng cao, tập hai)*, Nxb Hà Nội, 2008.
6. Hồ Hải, *Thơ lục bát Việt Nam hiện đại từ góc nhìn ngôn ngữ*, Nxb Văn hoá - Thông tin, HN, 2008.
7. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb GD, 1992.
8. Lê Bá Hán (chủ biên), Lê Quang Hưng, Chu Văn Sơn, *Tinh hoa Thơ mới thăm bình và suy ngẫm*, Nxb GD, 2002.
9. Lê Đức Luận, *Thử đề xuất một số cấu trúc lời ca trữ tình dân gian*, *Ngữ học trẻ 2001*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam xb, HN, 2001.
10. Nguyễn Đăng Mạnh, *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb GD, 1994.
11. Phan Ngọc, *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2000.
12. Triều Nguyên, *Bình giải thơ từ góc độ cấu trúc ngôn ngữ*, Nxb GD, 2006.
13. Vũ Quần Phương, *Thơ với lời bình*, Nxb GD, 2005.
14. Chu Văn Sơn, *Thơ điệu hồn và cấu trúc*, Nxb GD, 2007.

15. Trần Đình Sử, *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 1995.
16. Trần Đình Sử (Tổng Chủ biên), *Sách giáo viên Ngữ văn 11 (tập một)*, Nxb GD, 2007.
17. Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, HN, 2006.
18. *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2005 (nhiều tác giả).
19. *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ văn lớp 11*, Nxb Giáo dục Việt Nam.